TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 82/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Trị, ngày 04 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – QUẢNG TRỊ

Căn cứ vào điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 122/2026/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1981; địa chỉ: C H, phường N, tỉnh Quảng Trị;

+ Chị Bùi Thị Vũ T1; sinh năm 1987; địa chỉ: C H, phường N, tỉnh Quảng Trị;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Vũ T1 đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại UBND phường Đ, thành phố Đ (nay là UBND phường N), tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống thuận hòa, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Tuy nhiên, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân. Mặc dù hai bên đã cố gắng nói chuyện, trao đổi với nhau nhiều lần nhưng vẫn không thể khắc phục hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T chị T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T với chị Bùi Thị Vũ T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Ngọc C, sinh ngày 11/3/2024. Khi ly hôn, hai bên đương sự thỏa thuận sẽ giao cháu C cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu C trưởng thành và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T với chị Bùi Thị Vũ T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn T với chị Bùi Thị Vũ T1 thoả thuận chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định (mỗi người 150.000 đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T với chị Bùi Thị Vũ T1 thuận tình ly hôn *(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường N), tỉnh Quảng Trị).*

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Ngọc C, sinh ngày 11/3/2024 cho chị Bùi Thị Vũ T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi cháu Nguyễn Văn Ngọc C thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T với chị Bùi Thị Vũ T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn T với chị Bùi Thị Vũ T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001692 ngày 16/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 tỉnh Quảng Trị. Anh Nguyễn Văn T, chị Bùi Thị Vũ T1 đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV 5
- THADS Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND phường Nam Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, tập án;

THẨM PHÁN

Ngô Thị Khánh Phương